

**NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG  
(NURSING)  
MÃ SỐ: 7720301**

**1. Mục tiêu đào tạo**

***1.1. Mục tiêu chung***

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có y đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khỏe; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

***1.2. Mục tiêu cụ thể***

***1.2.1. Về thái độ:***

- Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

- Trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Tôn trọng quyền của người bệnh.

- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.

***1.2.2. Về kiến thức:***

Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng; các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm; có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

***1.2.3. Về kỹ năng:***

- Người điều dưỡng có những kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết:

- Hành nghề theo pháp luật nhà nước và đạo đức nghề nghiệp.

- Thực hiện đầy đủ và thành thạo, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.

- Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ.

- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

- Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh. Có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người

bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hiện các mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe.

- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.
- Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch.
- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.
- Áp dụng Y học cổ truyền trong công tác chăm sóc và phòng bệnh.
- Tham gia công tác quản lý ngành, thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng, tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế.

**1.2.4. Chức danh tốt nghiệp:** Điều dưỡng Đa khoa

**1.2.5. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:**

Các cơ sở y tế, các bệnh viện và một số ban ngành có nhu cầu sử dụng Điều dưỡng.

**2. Thời gian đào tạo : 4 năm**

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá : 133 đơn vị tín chỉ**

(chưa kể các nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
<b>I</b>		<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>32</b>	<b>29</b>	<b>3</b>
		<b>1.1. Các môn chung:</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>
1	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	Y.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	Y.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	Y.NNKC.1.01.7	Ngoại ngữ không chuyên	7	7	0
7	N.NNG.1.01.2	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	2	0
		<b>1.2. Các môn cơ sở khối ngành:</b>	<b>12</b>	<b>9</b>	<b>3</b>
8	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất – Thống kê y học	3	2	1
9	N.KCB.2.02.3	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	3	2	1
10	N.KCB.2.04.2	Sinh học và Di truyền	2	1	1
11	N.YCC.2.03.2	Tâm lý y học – Đạo đức Y học, Pháp luật - Tổ chức Y tế	2	2	0
12	N.KDD.2.01.2	Nghiên cứu khoa học	2	2	0

STT	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
<b>II</b>		<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>101</b>	<b>53</b>	<b>48</b>
		<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành:</b>	<b>24</b>	<b>15</b>	<b>9</b>
13	N.GPH.3.01.3	Giải phẫu	3	2	1
14	N.MPH.3.01.2	Mô phôi	2	1	1
15	N.SLY.3.01.2	Sinh lý	2	1	1
16	N.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	1	1
17	N.SHY.3.01.2	Hóa sinh	2	1	1
18	N.DLY.3.01.2	Dược lý	2	1	1
19	N.VSY.3.01.2	Vi sinh vật	2	1	1
20	N.KST.3.01.2	Ký sinh trùng	2	1	1
21	N.YCC.3.01.3	Dinh dưỡng - Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học	3	3	0
22	N.YCC.3.01.2	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người	2	2	0
23	N.YCT.3.01.2	Y học cổ truyền	2	1	1
		<b>2.2. Kiến thức ngành:</b>	<b>48</b>	<b>21</b>	<b>27</b>
24	N.KDD.4.01.2	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	2	1	1
25	N.KDD.4.02.2	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	2	1	1
26	N.KDD.4.03.2	Điều dưỡng cơ sở 1	2	1	1
27	N.KDD.4.04.3	Điều dưỡng cơ sở 2	3	1	2
28	N.KDD.4.05.3	Điều dưỡng cơ sở 3	3	1	2
29	N.KDD.4.06.2	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	1	1
30	N.KDD.4.07.3	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I	3	1	2
31	N.KDD.4.08.3	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II	3	1	2
32	N.KDD.4.09.2	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực 1	2	1	1
33	N.KDD.4.10.2	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	1	1
34	N.KDD.4.11.3	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I	3	1	2
35	N.KDD.4.12.3	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa II	3	1	2
36	N.KDD.4.13.2	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng I	2	2	0
37	N.KDD.4.14.2	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng II	2	0	2
38	N.KDD.4.15.2	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	2	2	0

STT	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
39	N.KDD.4.16.2	Chăm sóc sức khỏe trẻ em II	2	0	2
40	N.KDD.4.17.2	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	1	1
41	N.KDD.4.18.2	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	1	1
42	N.KDD.4.19.2	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	1	1
43	N.KDD.4.20.2	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	1	1
44	N.KDD.4.21.2	Quản lý điều dưỡng	2	1	1
		<b>2.3. Kiến thức bổ trợ (tự chọn):</b>	<b>22</b>	<b>14</b>	<b>8</b>
45	N.GMH.5.01.2	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực 2	2	1	1
46	N.LAO.5.01.2	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Lao	2	1	1
47	N.DAL.5.01.2	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Da liễu	2	1	1
48	N.MAT.5.01.2	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Mắt	2	1	1
49	N.TMH.5.01.2	Chăm sóc sức khỏe người bệnh TMH	2	1	1
50	N.RHM.5.01.2	Chăm sóc sức khỏe người bệnh RHM	2	1	1
51	N.NOI.5.01.2	Nội cơ sở và bệnh lý	2	2	0
52	N.NGO.5.01.2	Ngoại cơ sở và bệnh lý	2	2	0
53	N.SAN.5.01.2	Sản cơ sở và bệnh lý	2	2	0
54	N.NHI.5.01.2	Nhi cơ sở và bệnh lý	2	2	0
55	N.KDD.5.22.2	Thực tế nghề nghiệp	2	0	2
		<b>2.4. Tốt nghiệp:</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
56	N.PDH.4.01.3	Lý thuyết	3	3	0
57	N.PDH.4.02.4	Thực hành	4	0	4
58	N.PDH.4.03.7	Luận văn Tốt nghiệp	7	7	0
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>133</b>	<b>82</b>	<b>51</b>
<b>III</b>		<b>Các học phần thay thế</b>			
1	N.KDD.4.27.2	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2	2	1	1
2	N.KDD.4.28.2	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa III	2	1	1
3	N.KDD.4.29.2	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa III	2	1	1
4	N.KDD.4.30.2	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng 2	2	2	0
5	N.KDD.4.31.2	Thực tế nghề nghiệp 2	2	0	2